

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 8 - 2020
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thượng
2. Ông Phan Ngọc Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ng, sinh năm 1977; trú tại: Tổ 3, ấp Tân C, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Phan Thanh M, sinh năm 1981; trú tại: Tổ 3, ấp Tân C, xã Tân H, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Chị Ng, anh C có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 01 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Ng trình bày:

Chị và anh Phan Thanh M chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan điểm sống, thường xuyên gây gổ, cãi vã, anh M không lo làm phụ lo cho gia đình. Chị N khuyên nhiều lần và cũng nhịn cho qua nhưng anh M không thay đổi và không có hướng khắc phục, vẫn bài bạc. Hiện tại không

còn tình cảm, không quan tâm nhau, ai cũng có cuộc sống riêng. Chị N xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh M chung sống có 01 con chung tên Phan Tuấn Du, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2007. Chị N xin nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Phan Thanh M trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Riêng về mâu thuẫn của vợ chồng không trầm trọng như chị N trình bày, anh còn thương vợ xin hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh mong muốn đoàn tụ. Nay anh còn thương vợ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung như chị N trình bày là đúng. Anh đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng nếu Tòa án cho ly hôn anh không cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

Chị N, anh M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên lời trình bày, không thay đổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị Ng đối với anh Phan Thanh M.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Phan Tuấn Du, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2007. Chị N xin nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung chị Ng, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Ng phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ng, anh M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Ng, anh M là phù hợp.

* Về nội dung vụ án:

[2] Về hôn nhân: Chị Ng và anh M chung sống với nhau từ năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị N, anh M vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên lời trình bày. Hiện cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn, do không cùng quan điểm sống, thường xuyên gây gỗ, cãi vã, anh M không lo làm ăn xây dựng gia đình mà đi vào con đường cờ bạc, nhiều năm qua chị N đã khuyên can nhiều lần để anh M thay đổi sống có trách nhiệm với gia đình con cái nhưng không được. Chị N cũng đã cố gắng sống vì con và trách nhiệm với gia đình, thật sự không còn hạnh phúc. Hiện tại đã sống ly thân, không còn quan tâm nhau, tình cảm không còn chị N xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng, trong cuộc sống vợ chồng cần có sự chia sẻ đồng cảm, quan tâm chăm sóc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và cùng có trách nhiệm với gia đình, con cái. Trong mối quan hệ vợ chồng của chị N, anh M không có sự chia sẻ và đồng cảm, anh M không lo làm ăn phụ giúp, chia sẻ trong cuộc sống với chị N, không có sự đồng cảm. Mặt khác, qua chứng cứ xác minh của Tòa án, hiện anh M là có cờ bạc, đánh đập vợ con, Ban quản lý ấp đã can thiệp nhiều lần tại địa phương nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ chấp nhận.

Anh M xin đoàn tụ nhưng không thay đổi, khắc phục, không lo gì cho gia đình nên yêu cầu xin đoàn tụ của anh M Hội đồng xét xử không chấp nhận là có căn cứ.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Tuấn Du, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2007. Chị N xin nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung, anh M cũng đồng ý nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Ng đối với anh Phan Thanh M. Chị Lê Thị Ng được ly hôn với anh Phan Thanh M.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Phan Tuấn Du, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2007. Giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh M được quyền đến thăm con chung, không ai có quyền cản trở

Về tài sản chung; nợ chung: Chị N, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000297 ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- UBND xã Tân Hà;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Cái Thị Minh Tâm